

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú tại cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 2 năm 2025; Luật sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông báo số 740/TB-UBND ngày 08/9/2025 của UBND tỉnh về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Lê Hồng Vinh tại phiên họp thường kỳ UBND tỉnh tháng 8 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2465/TTr-SGD&ĐT ngày 29 tháng 8 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An.



## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày là đối tượng hưởng chính sách theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

### **2. Đối tượng áp dụng**

#### **2.1. Đối với học sinh, học viên, gồm:**

a) Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

b) Học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

c) Học sinh dân tộc nội trú học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú.

#### **2.2. Đối với cơ sở giáo dục, gồm:**

a) Trường phổ thông dân tộc bán trú, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

b) Trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú.

2.3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho học sinh, học viên là đối tượng được hưởng chế độ chính sách theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

## **Điều 2. Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

1. Học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc điểm trường) thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo:

a) Trường hợp nhà ở xa trường được xác định như sau: khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở.

b) Trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: từ nhà đến trường phải đi qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá.

2. Học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông:

a) Trường hợp nhà ở xa trường được xác định như sau: khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 10 km trở lên.

b) Trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: từ nhà đến trường phải đi qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá.

3. Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên:

a) Trường hợp nhà ở xa cơ sở giáo dục được xác định như sau: khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến nơi học tập từ 7 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, từ 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

b) Trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: từ nhà đến nơi học tập phải đi qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá.

4. Địa bàn xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày là các xã khu vực III, khu vực II và xã khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

5. Các xã khu vực III, khu vực II và xã khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thực hiện theo quy định hiện hành và các văn bản bổ sung, sửa đổi (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

**Điều 3. Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Nghệ An.**

1. Danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm

a) Chăn màn và đồ dùng cá nhân được cấp 1 lần ở mỗi cấp học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ như sau:

| STT | Tên hiện vật    | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------|-------------|----------|
| 1   | Chăn ấm cá nhân | Cái         | 01       |
| 2   | Màn cá nhân     | Cái         | 01       |

| STT | Tên hiện vật        | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|---------------------|-------------|----------|
| 3   | Chiếu cá nhân       | Cái         | 01       |
| 4   | Gối                 | Cái         | 01       |
| 5   | Nilon đi mưa hoặc ô | Cái         | 01       |
| 6   | Phích nước          | Cái         | 01       |
| 7   | Móc áo              | Cái         | 10       |
| 8   | Dép đi trong nhà    | Đôi         | 01       |
| 9   | Chậu giặt           | Cái         | 01       |

b) Quần áo đồng phục và học phẩm cấp cho mỗi năm học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ như sau:

| STT | Tên học phẩm                                     | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------|-------------|----------|
| 1   | Quần áo đồng phục mùa đông                       | Bộ          | 01       |
| 2   | Quần áo đồng phục mùa hè                         | Bộ          | 01       |
| 3   | Cặp học sinh hoặc balo học sinh                  | Cái         | 01       |
| 4   | Vở                                               | Quyển       | 30       |
| 5   | Bút bi                                           | Cái         | 20       |
| 6   | Bút chì đen                                      | Cái         | 02       |
| 7   | Tẩy                                              | Cái         | 02       |
| 8   | Thước kẻ                                         | Cái         | 01       |
| 9   | Bộ dụng cụ toán học: compa, eke, thước đo độ,... | Bộ          | 01       |
| 10  | Kéo                                              | Cái         | 01       |
| 11  | Hộp bút chì màu (đối với cấp học THCS)           | Hộp         | 01       |

2. Việc mua sắm đồ dùng cá nhân trang cấp cho học sinh dân tộc nội trú học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú thực hiện căn cứ vào danh mục, định mức quy định tại khoản 1 Điều này và tuân thủ quy định pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận: 

- Như Điều 5;
  - Bộ GD&ĐT;
  - Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
  - TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch UBND tỉnh;
  - Các PCT UBND tỉnh;
  - UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
  - VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
  - CVP, PCVP VX UBND tỉnh;
  - Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
  - UBND các xã, phường;
  - Báo Nghệ An, Công TTĐT tỉnh;
  - Lưu: VT, KGVX (TP, P).
- 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Phú Hiền**

